

Việt Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm y tế huyện Việt Yên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm máy siêu âm tổng quát phục vụ chuyên môn khám chữa bệnh của Trung tâm y tế huyện Việt Yên năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế huyện Việt Yên

Địa chỉ: Khu I, Thị trấn Bích Động, Việt Yên, Bắc Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds Lục Thị Thu Hà- Trưởng khoa Dược-VTTBYT.

Số điện thoại: 0942.106.126. Email: halucvybg@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược-VTTBYT, Khu I, Thị trấn Bích Động, Việt Yên, Bắc Giang. Đồng thời, đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam scan báo giá qua địa email: halucvybg@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 20 tháng 7 năm 2023 đến trước 17h ngày 31 tháng 7 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
I	Khám chữa bệnh			
1	Máy siêu âm tổng quát	Mô tả cụ thể tại mục A- Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật trong Bảng mô tả đính kèm theo	01	Cái
	Tổng:			

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại mục B trong Bảng mô tả đính kèm theo.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Tạm ứng: Không.

Thanh toán: Trong vòng 90 ngày, sau khi hàng hóa được vận chuyển, lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao tại Trung tâm Y tế huyện Việt Yên; Hoá đơn giá trị gia tăng (VAT), bên bán cung cấp đầy đủ các chứng từ thanh toán theo quy định của Nhà nước.

5. Các thông tin khác:

- Yêu cầu tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản tại bảng mô tả đính kèm là yêu cầu tối thiểu của hàng hóa, các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam có thể chào hàng hóa có tính năng và kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn.
- Đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam báo giá theo Mẫu báo giá Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế quy định tại Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công thông TTYT Việt Yên;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Bùi Thanh Nghị

BẢNG MÔ TẢ ĐÍNH KÈM

A. TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN VỀ KỸ THUẬT

MÁY SIÊU ÂM TỔNG QUÁT

I.	YÊU CẦU CHUNG
	- Số lượng : 01 Bộ
	- Sản xuất năm 2022 trở về sau, mới 100%
	- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
	- Điện áp: 100- 240V; 50/60Hz
	- Môi trường làm việc: + Nhiệt độ tối đa lên tới 30°C ; + Độ ẩm tối đa tới 80%
II.	Cấu hình kỹ thuật:
1.	Máy chính dạng xe đẩy kèm phụ kiện tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 01 Chiếc
2.	Đầu dò Convex đa tần dùng cho thăm khám bụng, sản phụ khoa, niệu khoa...: 01 Chiếc
3.	Đầu dò Linear đa tần dùng cho thăm khám mạch máu, các bộ phận nhỏ, cơ xương khớp: 01 Chiếc
4.	Đầu dò phụ khoa dùng cho thăm khám sản phụ khoa, niệu khoa: 01 chiếc
5.	Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 Bộ
6.	Máy in nhiệt đen trắng chuyên dụng cho máy siêu âm kèm 01 cuộn giấy in: 01 chiếc
7.	Bộ máy vi tính: 01 Bộ
8.	Máy in màu A4: 01 Chiếc
9.	Bộ lưu điện online 2KVA: 01 chiếc
10.	Gel siêu âm 5 lít : 01 Can
III	Tính năng kỹ thuật
	- Máy siêu âm Doppler màu dùng cho thăm khám Ổ bụng, Sản khoa, Phụ khoa, các bộ phận nhỏ, Cơ xương khớp, Khám mạch máu, Tiết niệu, Nhi khoa, Tim mạch, Xuyên sọ, Âm đạo, Trực tràng

	- Có các phương pháp quét: Convex điện tử; Linear điện tử;
1.	Thân máy chính:
1.1	Các thông số của hệ thống:
	- Thiết kế dạng xe đẩy, có 3 cổng đầu dò hoạt động
	- Màn hình hiển thị: 21.5 inches, Độ phân giải: 1920 x 1080 điểm ảnh
	- Dung lượng ổ cứng trong: dung lượng 512 GB
	- Bộ nhớ ảnh trên ổ cứng: 299 GB
	- Bộ nhớ CINE: 384 MB
	- Độ lợi từng phần (TGC): 08 đoạn
	- Bàn phím: có đủ cả chữ và số.
1.2.	Các chế độ hoạt động:
	- B-mode
	- Hòa âm mô: mã hóa đảo pha
	- M-mode
	- M-mode màu
	- Mode dòng màu
	- Mode Doppler năng lượng và Mode Doppler năng lượng có định hướng
	- Mode Doppler xung với tần số lặp xung cao
1.3	Các kiểu hiển thị hình ảnh có:
	- Khả năng hiển thị đồng thời
	+ B+ PW/M
	+ B+CFM/PDI
	+ B+ CFM+M
	+ Real-time Triplex Mode (B +CFM/ PDI+PW)
	+ Dual B (B/B)
	- Định dạng hiển thị hình ảnh: 4x4
	- Thu phóng (ghi HD/đọc): 67X
	- Hình ảnh màu hóa:
	+ Màu hóa mode B
	+ Màu hóa mode M
	+ Màu hóa mode PW

1.4	Chức năng tạo hình:
	Độ sâu hiển thị ảnh lên đến 33cm (phụ thuộc đầu dò)
	Tốc độ khung hình: tối đa 1790 Frame/s
	Số kênh xử lý số hóa: 223907 kênh
	Số chùm tia siêu âm thu nhận đồng thời: 4
	Thang xám: 256 mức
	Dải động: 269 dB
	Kỹ thuật phát và thu nhận chùm tia siêu âm từ nhiều hướng (Hình ảnh phức hợp không gian): Tối đa 9 góc quét
	Kỹ thuật loại bỏ đốm sáng trên hình ảnh siêu âm với độ phân giải cao: Tối đa 8 mức
	Hình ảnh hòa âm mô: Dùng công nghệ đảo pha mã hóa
	Kỹ thuật phân tích dữ liệu thô
	Tự động liên tục tối ưu hóa hình ảnh
	Tự động tính toán phổ Doppler thời gian thực
	Chức năng mở rộng góc quét dạng convex: Có trên đầu dò Linear và Sector
	Chức năng mở rộng vùng quan sát
1.5.	Hậu xử lý: Các chức năng điều chỉnh các thông số với ảnh siêu âm gọi lại từ bộ nhớ lưu trữ hoặc ảnh dừng (Freeze)
	- Lọc nhiễu đốm
	- TGC
	- Màu hóa mode B và M
	- Trung bình khung (chỉ có cho vòng lặp)
	- Dải động
	- Bản đồ thang xám
	- Tốc độ quét
	- Độ khuếch đại hậu xử lý
	- Thay đổi đường nền
	- Đảo phổ
	- Nén
	- Triệt nhiễu

	- Màu hóa phổ
	- Định dạng hiển thị
	- Điều chỉnh góc
	- Độ khuếch đại toàn phần (vòng lặp động và tĩnh)
1.6.	- Các thông số quét:
	- <i>Thông số quét của Mode B :</i>
	+ Dải động: khoảng 36- 96 dB
	+ Trung bình khung: 8 bước
	+ Tần số: có thể lựa chọn tối đa 4 loại (Tùy thuộc đầu dò)
	+ Mật độ dòng: 5 – 7 bước tùy thuộc đầu dò
	+ Độ rộng hội tụ: 3 loại
	+ Số vùng hội tụ: 8
	+ Nén tín hiệu yếu: 6 bước
	+ Tăng bờ: 7 bước
	+ Triệt nhiễu: 6 bước
	+ Lọc nhiễu đốm: lên đến 08 mức
	+ Góc lái tia với đầu dò Linear: $\pm 12^\circ$, $\pm 15^\circ$ (tùy thuộc đầu dò)
	- <i>Thông số quét của Mode M :</i>
	+ Độ khuếch đại: khoảng từ -20 dB đến 20 dB
	+ Triệt nhiễu: 6 bước
	+ Nén tín hiệu: 13 bước
	+ Tốc độ quét: 8 bước
	- <i>Thông số quét của Mode dòng chảy màu:</i>
	+ Nén nhiễu đốm sáng CF/PDI: 5 bước
	+ Độ khuếch đại: 0-40 dB
	+ Góc lái tia CF/PDI: 0, $\pm 10^\circ$, $\pm 15^\circ$, $\pm 20^\circ$ tùy thuộc đầu dò
	+ Kích thước gói: khoảng 8- 24, phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng
	+ Mật độ dòng: 5 bước
	+ Trung bình khung: 7 bước
	+ PRF: khoảng 0.1 – 27.8 KHz
	+ Lọc không gian: 6 bước

	+ Lọc thành: 4 bước, phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng
	+ Tích lũy màu: 8 bước
	+ Bản đồ trong suốt: 5 bước
	+ Tần số CF/PDI: 5 bước (tùy thuộc đầu dò)
	- Thông số quét ảnh chế độ Doppler năng lượng PDI
	+ Góc lái tia CF/PDI: 0, ± 10 độ, ± 15 độ, ± 20 độ
	+ Kích thước gói: 8 - 24, phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng
	+ Lọc không gian: 6 bước
	+ Trung bình khung: 7 bước
	+ PRF: khoảng 0.1 – 27.8 KHz
	+ Lọc thành: 4 bước, phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng
	+ Tích lũy màu: 8 bước
	+ Bản đồ trong suốt: 5 bước
	+ Tần số CF/PDI: 5 bước (tùy thuộc đầu dò)
	- Mode doppler xung (PW)
	+ Độ khuếch đại: 0 - 85 dB
	+ PRF: khoảng 0.3 – 27.9 KHz
	+ Lọc thành: khoảng 5.5~ 5000 Hz, 27 bước (phụ thuộc đầu dò)
	+ Nén tín hiệu: 0.5-2.4
	+ Tần số phát: 1.7 – 10 MHz tùy thuộc đầu dò
	+ Thang vận tốc: 0.1 – 7011cm/s
	+ Kích thước cổng thể tích lấy mẫu: 12 loại
	+ Tốc độ quét: 8 bước
	+ Màu hóa: 6 loại
	+ Hiệu chỉnh góc Doppler: - 90 độ - 90 độ
	+ Tự động viền đường bao phổ (Auto trace)
	+ Thay đổi đường nền: 11 bước
	- Hình ảnh hòa âm mô mã hóa
	+ Thể hiện trên tất cả các đầu dò
	+ Mật độ đường ảnh: 5 hoặc 6 bước, tùy đầu dò
	+ Zoom mật độ đường ảnh: 5 hoặc 6 bước, tùy đầu dò

	+ Nén nhiễu: 6 bước
	+ Tăng đường bờ: 7 bước
	+ Bản đồ thang xám: 6 hoặc 8 loại, tùy đầu dò và ứng dụng
	+ Bản đồ màu: 9 loại
	+ Độ khuếch đại: 0 - 90dB
1.7	- Các chức năng đo đặc có
	Tự động tính toán các thông số Doppler thời gian thực
	+ Đỉnh tâm thu (PS)
	+ Cuối kỳ tâm trương (ED)
	+ Cực tiểu tâm trương (MD)
	+ Chỉ số PI
	+ Chỉ số RI
	+ Thời gian gia tốc AT
	+ Gia tốc ACC
	+ PS/ED
	+ ED/PS
	+ Nhịp tim HR
	+ TAMAX
	+ Giá trị tốc độ cực đại PVAL
	+ Lưu lượng dòng chảy (TAMEAN và diện tích mạch máu)
	- Đầy đủ các phép đo cơ bản: khoảng cách, chu vi, thể tích, diện tích, nhịp tim,...
	- Có các gói đo đặc tính toán trong siêu âm sản, phụ khoa
	- Các phép đo trong siêu âm mạch máu
	- Các gói đo đặc tính toán trong siêu âm tim
	- Các phép đo mode B, mode M, Mode Doppler,...
	- Đo và tính toán niệu khoa
1.8	- Các thông số kết nối
	- Khả năng kết nối: DICOM 3.0
	- Khả năng kết nối ngoại vi: CVBS, S-Video, VGA, HDMI, USB (4 cổng), Ethernet
2.	- Các thông số của đầu dò:

	- Đầu dò Convex băng tần rộng:
	+ Dải tần: 2.0 – 5.0 MHz - (Là dải tần số thực của đầu dò, tần số thấp nhất của tần số Doppler và tần số cao nhất của tần số Harmonic)
	+ Số chấn tử: 128
	+ Tần số B Mode: 4 bước
	+ Tần số Harmonic: 3 bước
	+ Tần số CFM/PDI/PWD: 4 bước
	Đầu dò Linear đa tần:
	+ Dải tần: 4.0 – 13 MHz + (Là dải tần số thực của đầu dò, tần số thấp nhất của tần số mode Dopler và tần số cao nhất của tần số Harmonic)
	+ Số chấn tử: 128
	+ Tần số B Mode: 4 bước
	+ Tần số Harmonic:, 4 bước
	+ Tần số Doppler: 3 bước
	Đầu dò phụ khoa:
	+ Dải tần được sử dụng: 4.0 – 10.0 MHz (Là dải tần số thực của đầu dò bao gồm tần số thấp nhất của đầu dò Doppler, tần số cao nhất của tần số Harmornic)
	+ Số chấn tử: 128
	+ FOV: 168°
	+ Tần số hình ảnh B Mode: 3 bước
	+ Tần số hình ảnh Harmonic: 3 bước
	+ Tần số CFM/PDI/PWD: 3 bước
	Máy vi tính
	+ CPU: Là loại Core i3 trở lên
	+ RAM: $\geq 4\text{GB}$
	+ Ổ cứng: $\geq 200\text{GB}$
	+ Bàn phím, chuột quang
	+ Màn hình máy tính LCD trở lên, kích thước $\geq 21''$

	Máy in màu A4
	+ Độ phân giải: $\geq 5760 \times 1440$ dpi
	+ Tốc độ in: ≥ 15 trang/ phút
	+ In phun màu
	Máy in nhiệt đen trắng
	+ Độ phân giải: ≥ 300 dpi
	+ Khổ giấy in: 110 mm
	+ In nhiệt
	Bộ lưu điện 2KVA online

B. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Cung cấp hàng hóa, lắp đặt, cài đặt, hướng dẫn sử dụng và bảo quản, chuyển giao công nghệ tại khoa phòng sử dụng trang thiết bị của Trung tâm y tế huyện Việt Yên, Bắc Giang.

Giá hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT và các loại thuế, phí khác có liên quan theo quy định của Nhà nước. Hàng hóa được bàn giao, hướng dẫn sử dụng và nghiệm thu tại Trung tâm Y tế huyện Việt Yên mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào khác.